

Số: /2021/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 02 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 16 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng 02 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; tận dụng tối đa các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các trang thiết bị, phương tiện được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 102/2020/TT-BTC để thanh quyết toán kinh phí, trên cơ sở đảm bảo mức chi không vượt quá mức chi tương ứng được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung, định mức chi và thời gian hỗ trợ

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Chi công tác tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 180.000 đồng/người/buổi; cấp xã 160.000 đồng/người/buổi.

Thành viên tham dự: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 90.000 đồng/người/buổi; cấp xã 80.000 đồng/người/buổi.

Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 50.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 40.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 140.000 đồng/người/buổi; cấp xã 130.000 đồng/người/buổi.

Thành viên tham dự cuộc họp: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 60.000 đồng/người/buổi.

Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 50.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 40.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

a) Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND, các cá nhân được phân công tham gia đoàn kiểm tra, giám sát bầu cử được hỗ trợ như sau:

Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 180.000 đồng/người/buổi; cấp xã 160.000 đồng/người/buổi.

Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 90.000 đồng/người/buổi; cấp xã 80.000 đồng/người/buổi.

Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 60.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra giám sát:

Chi bồi dưỡng xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả của các đợt kiểm tra, giám sát: Cấp tỉnh 2.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp xã 1.000.000 đồng/báo cáo (tính trên sản phẩm cuối cùng, bao gồm tiếp thu, chỉnh lý và hoàn chỉnh báo cáo).

Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia áp dụng mức chi như sau: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 600.000 đồng/người/văn bản; cấp huyện 150.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 450.000 đồng/người/văn bản; cấp xã 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 300.000 đồng/người/văn bản.

4. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ định mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi trên địa bàn (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) do Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trên địa bàn (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); tính trên sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý và hoàn chỉnh, thì áp dụng mức chi như sau: Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản; cấp xã: 600.000 đồng/văn bản.

Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia áp dụng mức chi như sau: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 600.000 đồng/người/văn bản; cấp huyện 150.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 450.000 đồng/người/văn bản; cấp xã 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 300.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 2.200.000 đồng/người/tháng; cấp huyện là 1.500.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 1.000.000 đồng/người/tháng.

Thành viên của Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử, Trưởng, Phó các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, thư ký của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 1.500.000 đồng/người/tháng; cấp huyện là 1.000.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 800.000 đồng/người/tháng.

Thành viên ban bầu cử, thành viên các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 1.200.000 đồng/người/tháng; cấp huyện là 800.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 500.000 đồng/người/tháng.

Thành viên Tổ chuyên viên giúp việc: Cấp tỉnh là 1.000.000 đồng/người/tháng; cấp huyện là 600.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 400.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính theo thời gian thực tế phát sinh, tối đa không quá 5 tháng. Căn cứ tình hình diễn biến dịch bệnh COVID-19, Ủy ban bầu cử tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (không bao gồm các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc bầu cử) mức bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chi bồi dưỡng cho việc lập danh sách, viết, phát thẻ cử tri và kiểm phiếu 500 đồng/cử tri.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban giúp việc cho Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 500.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 300.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 150.000 đồng/người/tháng;

b) Thành viên các Tiểu ban giúp việc cho Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 400.000 đồng/người/tháng; cấp huyện là 200.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 100.000 đồng/người/tháng;

c) Thành viên thuộc Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Tổ giúp việc tại Thường trực Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 100.000 đồng/người/tháng; cấp xã 50.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phát sinh, tối đa không quá 5 tháng. Căn cứ tình hình diễn biến dịch bệnh COVID-19, Ủy ban bầu cử tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian hưởng chế độ hỗ trợ cước điện thoại di động.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử ở các cấp:

a) Người được giao trực tiếp công dân là 80.000 đồng/người/buổi;

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân là 60.000 đồng/người/buổi;

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân là 50.000 đồng/người/buổi.

8. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

9. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

10. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

11. Chi cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp huyện: Thực hiện theo quy định hiện hành tại địa phương.

12. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

13. Chi trang thiết bị phục vụ Ủy ban bầu cử tỉnh: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

14. Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được Ủy ban bầu cử tỉnh phê duyệt.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau được đảm bảo từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và nguồn ngân sách địa phương tự cân đối.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX Kỳ họp thứ 16 (Chuyên đề), thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 02 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

